

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2019/HSST
Ngày 15-10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT**

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Th1 Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1971 tại huyện TT, tỉnh PT; Nơi cư trú: Khu 1, xã TP, huyện TT, tỉnh PT; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kỳ Khôi, sinh năm 1945 và bà Trịnh Thị Lan, sinh năm 1947; có vợ là Đoàn Thị Hoa, sinh năm 1977; Có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/7/2019 đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TP, huyện Thanh Thủy, tỉnh PT (Có mặt);

Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Trung N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 1, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1971

Địa chỉ : Khu 8, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

3. Nguyễn M H, sinh năm 1980

Địa chỉ : Khu 8, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

4. Lương Thị Th, sinh năm 1950

Địa chỉ : Khu 8, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

5. Nguyễn Văn C, sinh năm 1966

Địa chỉ : Khu 1, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

6. Trần Văn Ch, sinh năm 1956

Địa chỉ : Khu 1, xã TP, huyện TT, tỉnh PT

7. Phạm Viết V, sinh năm 1995

Địa chỉ : Khu 3, xã TĐ, huyện TT, tỉnh PT

8. Nguyễn Trung Th1, sinh năm 1957

Địa chỉ : Khu 5, xã TĐ, huyện TT, tỉnh PT

9. Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1969

Địa chỉ : Khu 5, xã TĐ, huyện TT, tỉnh PT

10. Trần Văn L1, sinh năm 1969

Địa chỉ : Khu Phố mới, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

11. Dương Văn H2, sinh năm 1983

Địa chỉ : Khu 15, xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh PT

Những người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh L không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ ghi xổ số, lô tô Nhà nước. Tuy nhiên, do muốn có thêm thu nhập nên từ ngày 07/7/2019, Nguyễn Thanh L đứng ra tổ chức ghi số lô, số đề tại nhà ở của mình dưới hình thức khách đến nhà mua trực tiếp hoặc nhắn tin, gọi điện đến số điện thoại 0354.319.033 của Liêm. Về cách thức đánh bạc, L và những người chơi thỏa thuận với nhau cụ thể như sau: Lấy kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày để làm căn cứ xác định thắng thua, số tiền thắng thua sẽ được L và người mua thanh toán vào ngày hôm sau, sau khi đã có kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc của ngày hôm trước. Về số đề là số có hai chữ số từ 00 - 99, người chơi có thể mua một hoặc nhiều số đề với số tiền tương ứng. Sau đó đem so sánh số đề đã mua với hai chữ số cuối của giải đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, nếu trùng nhau sẽ trúng đề và được gấp 70 lần số tiền bỏ ra mua, nếu không trúng sẽ mất số tiền đã mua. Ngoài ra nếu không lấy lại tiền chiết khấu 20% hoa hồng khi mua số đề thì có thể thỏa thuận tỷ lệ trúng là 1 gấp 80 lần số tiền bỏ ra, nếu không trúng sẽ mất số tiền đã mua. Trong số đề có quy ước bóng: 0 bóng 5; 1 bóng 6; 2 bóng 7; 3 bóng 8; 4 bóng 9. Ngoài cách chọn từng số riêng lẻ để mua, người chơi có thể mua các số theo bộ: Dây, tông, đầu, đuôi, kép. Dây là 1 bộ gồm 08 số trong các cặp bóng. Ví dụ: Dây 01 bao gồm 08 số trong bộ 0 bóng 5, 1 bóng 6 là 01; 10; 06; 60; 15; 51; 56; 65. Bộ tông gồm các số khi cộng hai chữ số của số đó lại ra số tổng người chơi đã chọn hoặc chữ số cuối của tổng hai chữ số là số tổng người chơi đã chọn. Ví dụ: Tông 1 gồm các số: 01; 10; 29; 92; 38; 83; 47; 74; 56; 65. Bộ đầu bao gồm tất cả các số có chữ số đầu trùng với số người chơi đã chọn. Ví dụ: Đầu 0 gồm các số: 00; 01; 02; 03... đến 09. Bộ đuôi gồm tất cả các số đề có chữ số thứ 2 trùng với số người chơi đã chọn. Ví dụ: Đuôi 9 gồm các số: 09; 19; 29...99. Kép gồm có kép lệch và kép bằng, kép bằng gồm 10 số có hai chữ số giống nhau từ 00 đến 99, kép lệch gồm các số có hai chữ số là bóng của nhau, ví dụ: 05; 50; 16; 61... Đối với số lô, L bán cho khách 23.000 đồng/1 điểm lô (đối với khách mua số lô với số tiền ít), còn đối với khách quen, mua số lô với số tiền nhiều L bán cho khách 22.500 đồng/1 điểm lô. Người chơi có thể mua của L một hoặc nhiều số có 2 chữ số từ 00 đến 99 nhưng mỗi số sẽ mua theo điểm. Người mua có thể mua không giới hạn điểm

cho mỗi số lô, mỗi điểm được quy đổi ra số tiền tương ứng là 22.500đ hoặc 23.000đ. Các con số này sau đó được đem ra so sánh với 2 chữ số cuối của tất cả 27 giải được Công ty xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày. Nếu số lô người chơi đã mua trùng với 2 chữ số cuối của một trong 27 giải của kết quả mở thưởng xổ số thì người đó là người thắng cuộc và L phải trả cho người đó số tiền tương ứng với số điểm người đó đã bỏ ra mua số lô đã trúng thưởng là 80.000đ/1 điểm. Ngược lại, nếu số lô người chơi đã mua không trùng với 2 chữ số cuối của bất kì giải nào trong 27 giải của kết quả xổ số thì người mua là người thua cuộc và mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua số lô đó cho Liêm. Ngày 11/7/2019 Nguyễn Thanh L bán số lô, số đề cho những người sau:

1. Nguyễn Trung N – Sinh năm 1988, ở khu 8, xã TP các số: số lô 01, 10 mỗi số 20 điểm, tổng là 40 điểm; số lô 23, 32 mỗi số 10 điểm tổng là 20 điểm; số đề 01, 10 mỗi số là 110.000đ. Tổng số tiền lô và đề là 1.600.000đồng N đã thanh toán tiền cho Liêm;

2. Nguyễn Văn S – Sinh năm 1971, ở khu 1, xã TP các số đề: dãy 34 gồm các số: 43, 34, 39, 93, 89, 98, 48, 84 mỗi số 50.000đ; các số đề: 34, 43, 84 mỗi số 50.000đ; các số lô: 00, 30, 56, 68, 86 mỗi số 30 điểm, tổng là 150 điểm. Tổng số tiền lô và đề là 4.000.000đ. L chiết khấu cho S phần trăm hoa hồng tiền lô và tiền đề là 185.000đ. S đã thanh toán tiền cho L số tiền 3.815.000đồng;

3. Nguyễn M H – Sinh năm 1980, ở khu 8, xã TP các số đề 81 là 30.000đ; số đề 86 là 40.000đ; số lô 44 là 10 điểm. Tổng số tiền lô và đề là 300.000đ. H đã thanh toán tiền cho Liêm.

4. Lương Thị Th – Sinh năm 1950, ở khu 8, xã TP các số đề: 40, 42, 47, 72, 47, 45, 49, 80, 55, 58, 54, 14 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 60.000đ; số đề: 07, 10, 12, 81, 19, 15, 01, 91, 21, 41, 18, 16, 61, 11 mỗi số 10.000 đ, tổng tiền là 140.000đ; số đề đầu 1 gồm 10 số: 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mỗi số 15.000đ, tổng tiền là 150.000đ; số đề đít 1 gồm 10 số: 01, 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91 mỗi số 15.000đ, tổng tiền là 150.000đ. Các số lô: 08, 80, 14, 41, 32, 23 mỗi số 5 điểm, tổng là 30 điểm; Lô xiên 14, 66, 65 với số tiền 10.000đ. Tổng số tiền lô và đề là 1.200.000đ. L chiết khấu cho bà Thục phần trăm hoa hồng số tiền 100.000đ. Thục đã Th1 toán số tiền 1.100.000đồng cho Liêm;

5. Nguyễn Văn C – Sinh năm 1966, ở khu 1, xã TP các số đề 02, 21, 94, 76 mỗi số 10.000 đồng. Tổng số tiền là 40.000 đồng. C vẫn chưa thanh toán tiền cho Liêm.

6. Trần Văn Ch – Sinh năm 1956, ở khu 1, xã TP các số đề: 25, 52, 15, 51, 45, 54, 59, 95, 56, 65, 57, 75, 01, 10, 12, 21, 36, 63 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 180.000đ; các số đề: 25, 52, 45, 54, 59 mỗi số 20.000đ, tổng tiền là 100.000đ; các số đề: 04, 40, 82, 17 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 40.000đ, số đề xiên 52, 54 là 50.000đ; các số lô 52, 54 mỗi số 5 điểm. Tổng số tiền lô và đề là 600.000 đồng Ch đã thanh toán tiền cho Liêm;

7. Phạm Viết V – Sinh năm 1995, ở Khu 3 xã TĐ các số đề 04, 14, 41 mỗi số 50.000đ; số đề ba càng 104 số tiền 20.000đ. Tổng số tiền là 170.000 đồng. V vẫn chưa Th1 toán tiền cho Liêm;

8. Nguyễn Trung Th1 – Sinh năm 1957, ở khu 5, xã TĐ các số đề đầu 3 gồm 10 số: 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền là 150.000đ; số đề đít 3 gồm 10 số: 03, 13, 23, 33, 43, 53, 63, 73, 83, 93 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền là

150.000đ; Dây 34 gồm các số: 43, 34, 39, 93, 89, 98, 48, 84 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 40.000đ; Dây 23 gồm các số: 23, 32, 28, 82, 73, 37, 78, 87 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 40.000đ; Dây 14 gồm các số: 14, 41, 19, 91, 64, 46, 69, 96 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 40.000đ; Số đề kép bằng gồm: 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 50.000đ; Kép lệch gồm các số: 16, 05, 27, 38, 49, 50, 61, 72, 83, 94 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 50.000đ. Các số đề: 07, 26, 62, 80, 81, 51, 52, 53, 56, 44, 38, 47, 74, 89, 98, 61, 60, 63, 68 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 95.000đ. Số đề tổng 3 gồm: 03, 30, 12, 21, 49, 94, 58, 85, 67, 76 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 50.000đ; Số đề tổng 8 gồm: 08, 80, 17, 71, 26, 62, 35, 53, 44, 99 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 50.000đ; Số đề 53 với số tiền 3.000đ. Tổng số tiền các số lô, số đề là 718.000đ. L chiết khấu phần trăm hoa hồng cho Th1 số tiền 143.000đ, còn phải trả 575.000đ. Th1 đã trả cho L số tiền 345.000đ, còn nợ lại số tiền 230.000đ;

9. Nguyễn Quốc H1 – Sinh năm 1969, ở khu 5, xã TĐ các số đề: 23, 28, 14, 41, 19, 22 mỗi số 20.000đ, tổng tiền là 120.000đ; các số đề: 27, 42, 52, 73, 37, 78, 87, 85 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 80.000đ. Số lô 83 là 15 điểm, số lô: 59, 95, 22 mỗi số 5 điểm. Tổng số tiền lô và đề H1 phải thanh toán là 890.000đồng. H1 chưa thanh toán tiền cho Liêm;

10. Trần Văn L1 – Sinh năm 1969, HKTT ở khu Phố Mới, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, các số đề: 47, 29, 42, 36, 63, 79 mỗi số 20.000đ, tổng tiền là 120.000đ; các số đề: 24, 41, 17, 18, 69, 26, 62, 39, 43, 45, 21 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 110.000đ; các số đề: 46, 64, 23, 28, 93, 19, 14, 89, 03, 40, 25, 48 mỗi số 5.000đ, tổng tiền là 60.000đ. Tổng số tiền Long phải thanh toán là 290.000đ. Long đã thanh toán cho L số tiền 20.000đ, còn nợ lại số tiền 270.000đ;

11. Dương Văn H2 – Sinh năm 1983, ở khu 15, xã Đào Xá các số đề: 02, 12, 32, 42, 52, 62, 82, 92 mỗi số 50.000đ, tổng tiền là 400.000đ; các số đề: 07, 17, 37, 47, 57, 67, 87, 97 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 80.000đ; số lô 26 là 30 điểm; số lô 98 là 20 điểm; số lô 03, 89, 62 mỗi số 10 điểm. Tổng số tiền lô và đề H2 phải thanh toán là 2.320.000đồng, H1 đã thanh toán đủ số tiền cho Liêm;

12. Đỗ Quang V1 – Sinh năm 1992, ở khu 2, xã TP các số đề 61, 63, 51, 56, 54, 262 mỗi số 5.000đ, tổng số tiền là 30.000 đ. V1 đã thanh toán tiền cho Liêm. Cơ quan điều tra đã triệu tập V1 đến làm việc nhưng V1 không thừa nhận hành vi trên;

13. Lý Văn M – Sinh năm 1980, ở khu 8, xã TP các số đề: 36, 08, 80, 86 mỗi số 20.000đ, tổng tiền là 80.000đ; các số đề: 07, 54, 50, 32 mỗi số 10.000đ, tổng tiền là 40.000đ; số lô 86, 80 mỗi số 10 điểm. Tổng số tiền lô và đề là 580.000đ. M chưa thanh toán tiền cho Liêm. Cơ quan điều tra đã triệu tập M đến làm việc nhưng M không thừa nhận hành vi trên;

14. Người nam giới tên Đ – Sinh năm 1970, ở huyện Ba Vì, TP. Hà Nội các số đề: 01, 10, 09 mỗi số 50.000đ, tổng tiền là 150.000đ; số lô 52, 56 mỗi số 25 điểm. Tổng số tiền lô và đề là 1.300.000đ. L chiết khấu phần trăm hoa hồng cho Đ số tiền 30.000đ. Đ đã thanh toán tiền cho Liêm. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh người tên Đ theo lời khai của L nhưng không xác định được người có đặc điểm như trên;

Ngoài ra bị cáo L còn khai nhận: Từ ngày 07/7/2019 đến ngày 10/7/2019, mỗi ngày có khoảng 5 đến 6 người mua số lô, số đề với số tiền trong khoảng từ 1.000.000đ

đến 1.200.000đ, L không nhớ bán cho ai và bao nhiêu tiền. Tất cả các bằng đề ngày đó bị cáo đều chuyển cho Vụ, sau khi thanh toán xong bị cáo đã đốt bỏ các bằng đề trên. Do đó, không xác định được số tiền và không đủ căn cứ để xác định hành vi đánh bạc từ ngày 07/7/2019 đến ngày 10/7/2019 của bị cáo.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh L đã tự giác giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy số tiền số tiền 610.000 đ là tiền bán số lô, số đề cho khách. Còn các đối tượng đến mua số lô, số đề của bị cáo L nhưng chưa thanh toán và được L chiết khấu hoa hồng đã tự nguyện giao nộp số tiền gồm: Nguyễn Quốc H1 890.000đồng; Nguyễn Văn S 185.000đồng; Nguyễn Trung Th1 373.000đồng; Trần Văn L1 270.000đồng; Phạm Viết V 170.000đồng; Nguyễn Văn C 40.000đồng và Lương Thị Th 100.000đồng.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSTT ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L từ 12 đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 04 ngày tạm giữ, quy đổi bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.038.000đ (*Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2, màu đen, đã cũ;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 máy tính Casio Fx570ES, 01 bút bi màu đen, 01 sim số 0354.319.033 lắp bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2, màu đen, đã cũ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

Người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thanh L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 11/7/2019, tại nhà ở của mình khu 1 xã TP, huyện Thanh Thủy, tỉnh PT, bị cáo L đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho các đối tượng rồi tự đứng ra trả thưởng cho họ, các số lô, đề bị cáo L bán cho các đối tượng tương ứng với tổng số tiền là 14.038.000đ (*Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám triệu đồng*), cụ thể như sau: Bán cho Nguyễn Trung N các số lô, đề với số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn S các số lô, đề với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Nguyễn M H các số lô, đề với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); Lương Thị Th các số lô, đề với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn C các số đề với số tiền 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng); Trần Văn Ch các số lô, đề với số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng); Đỗ Quang V1 các số đề với số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng); Lý Văn M các số lô, đề với số tiền 580.000đ (Năm trăm tám mươi nghìn đồng); Phạm Viết V các số đề với số tiền 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng); Nguyễn Trung Th1 các số đề 718.000đ (Bảy trăm mười tám nghìn đồng); Nguyễn Quốc H1 các số lô, đề với số tiền 890.000đ (Tám trăm chín mươi nghìn đồng); Trần Văn L1 các số đề với số tiền 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng); Dương Văn H2 các số lô, đề với số tiền 2.320.000đ (Hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) và Người nam giới tên Đ các số lô, đề với số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Đối với người nam giới tên Đ không xác định được tuổi, địa chỉ và đối với Đỗ Quang V1 và Lý Văn M mặc dù không thừa nhận mua số lô, đề của bị cáo Liêm, nhưng bị cáo đã khai nhận với số tiền tương ứng trên bảng đề đã thu được của bị cáo ngày 11/7/2019 thì vẫn phải xác định là số tiền bị cáo tham gia đánh bạc để tính vào tổng số tiền tham gia đánh bạc ngày 11/7/2019, là căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo bị phát hiện khi chưa có kết quả mở thưởng số kiến thiết Miền Bắc. Do đó xác định bị cáo L tham gia đánh bạc vào ngày 11/7/2019 với tổng số tiền là 14.038.000đ, (*Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L đủ yếu tố cấu Th1 tội “Đánh bạc”, Tội và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự có khung hình phạt đến 03 năm tù.

Đối với Nguyễn Hữu Vụ – Sinh năm 1984, ở khu 6, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, là người theo lời khai của L đã nhận bảng đề của Liêm. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã tiến hành kiểm tra, xác minh số điện thoại 0377.429.882 mà L khai nhận là số điện thoại của Nguyễn Hữu Vụ dùng để nhận bảng đề. Tại Cơ quan điều tra, Vụ không thừa nhận việc nhận bảng lô đề của Nguyễn Thanh L. Qua xác minh số điện thoại trên là của chị Tạ Thị Thêu – sinh năm 1974, ở Hbông. huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ngoài lời khai của L không có tài liệu khác chứng minh việc Vụ nhận bảng đề của L nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Vụ, xét thấy phù hợp.

Đối với Nguyễn Trung N; Nguyễn Văn S; Nguyễn M H; Lương Thị Th; Nguyễn Văn C; Trần Văn Ch, cùng ở xã TP, huyện TT; Phạm Viết V; Nguyễn Trung Th1; Nguyễn Quốc H1 cùng ở xã TĐ, huyện Thanh Thủy; Trần Văn L1, ở khu Phố Mới, Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Dương Văn H2, ở khu 15, xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy là các đối tượng đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức

mua số lô, số đề của bị cáo Liêm. Tuy nhiên, số tiền của từng người sử dụng vào mục đích đánh bạc chưa đến mức xử lý về hình sự, bản thân các đối tượng không có tiền án, tiền sự, nên Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với Đỗ Quang V1 – sinh năm 1992, ở khu 2, xã TP, huyện Thanh Thủy; Lý Văn M – sinh năm 1980, ở khu 8, xã TP, huyện Thanh Thủy; Người nam giới tên Đ – sinh năm 1970, ở huyện Ba Vì, TP. Hà Nội theo lời khai của L là người đã mua các số lô, số đề của L vào ngày 11/7/2019. Tuy nhiên, ngoài lời khai của L không có các tài liệu chứng cứ nào khác. Bản thân Vũ, M không nhận việc mua các số lô, số đề của Liêm; còn người nam giới tên Đ qua xác minh không xác định được người có đặc điểm như L miêu tả. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý Vũ, M và người nam giới tên Đ trong vụ án này, xét thấy phù hợp.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT truy tố đối với bị cáo L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự trị an xã hội, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm minh. Do vậy cần phải xét xử nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đều đã Th1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Kỳ Khôi và mẹ đẻ là bà Trịnh Thị Lan là người có công với nước, được Nhà nước tặng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó bị cáo được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở Th1 công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án phải thực hiện một số N vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương, bị cáo chỉ làm ruộng, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo làm ruộng nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện TT đã trả lại cho bị cáo L số tiền không liên quan đến tội phạm là 37.691.000đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi một đồng) là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) là phù hợp.

[6] Về vật chứng:

Quá trình điều tra bị cáo và các đối tượng đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền khi mua số lô, số đề của bị cáo L nhưng chưa thanh toán và được L chiết khấu hoa hồng và số tiền bị cáo nhận từ việc bán lô đề cho các đối tượng gồm : Bị cáo L 12.010.000đồng, Nguyễn Trung Th1 373.000đồng, Lương Thị Th 100.000đồng, Phạm Viết V 170.000đồng, Nguyễn Văn S 185.000đồng, Nguyễn Văn C 40.000đồng, Nguyễn Quốc H1 890.000đồng, Trần Văn L1 270.000đồng. Tổng là 14.038.000đ, (Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng). Là số tiền bị cáo và các đối tượng sử dụng đánh bạc, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo L sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với sim số 0354319033 lắp bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng; 01 máy tính casio màu xám xanh, 01 bút bi đen của bị cáo L là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

[8] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 04 ngày (Từ ngày 11/7/2019 đến ngày 15/7/2019) quy đổi bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TT, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TT, tỉnh PT giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thanh L phải nộp phạt bổ sung số tiền là: 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền do bị cáo L cùng các đối tượng sử dụng đánh bạc là 14.038.000đ, (Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2, màu đen, đã cũ số IMEI 352856/05/288323/7 của bị cáo Liêm;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim số 0354319033 lắp bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, đã cũ; 01 máy tính Casio Fx570ES màu xám xanh ; 01 bút bi màu đen của bị cáo Liêm.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2019

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án; Người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, N vụ của mình tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.TT,
- VKSND tỉnh PT;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã TP (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng